

Số: *829* /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *26* tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/2/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 3/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 778/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 967/QĐ-BNNMT ngày 18/4/2025 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn, lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên

(Có Danh mục cụ thể kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn và lĩnh vực Giảm nghèo đã được công bố trước đây:

- Thủ tục hành chính Hỗ trợ dự án liên kết cấp tỉnh, cấp huyện được công bố tại Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên;

- Thủ tục hành chính cấp tỉnh số 1, 2, 3 tại Quyết định số 705/QĐ-UBND ngày 22/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực nông nghiệp, kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên;

- Các thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 21/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực bảo trợ xã hội và Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT. 

CHỦ TỊCH

Lê Thành Đô

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, LĨNH VỰC GIẢI NGHÈO THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
1	Công nhận làng nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên (tổ 1, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên)	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn	x	Toàn trình	x
2	Công nhận nghề truyền thống	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên (tổ 1, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên)	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn	x	Toàn trình	x
3	Công nhận làng nghề	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên (tổ 1, phường Tân Thanh,	Không	Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn	x	Toàn trình	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
			thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên)					
4	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Sở Nông nghiệp và Môi trường có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Sở Nông nghiệp và Môi trường phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên (tổ 1, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên)	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	x	Toàn trình	x

II. Thủ tục hành chính cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
1	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận được đủ hồ sơ, Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có tờ trình trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét phê duyệt. - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ đầu tư dự án liên kết được biết. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận được tờ trình của Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	x	Toàn trình	x

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**Thủ tục hành chính cấp xã**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm	Rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg); - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo (Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH); - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH)	x	DVC TT một phần	x
2	Công nhận hộ	15 ngày, kể từ ngày bắt	Bộ phận Tiếp	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg;	x	DVC	x

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện		
						Trực tiếp	Trực tuyến	Qua dịch vụ BCCI
	nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng)	nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã		- Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.		TT một phần	
3	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.	x	DVC TT một phần	x
4	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Luật cư trú năm 2020; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; - Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH; - Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH.	x	DVC TT một phần	x
5	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát (mỗi tháng 01 lần, thực hiện từ ngày 15 hằng tháng)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 30/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 ; - Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg; - Thông tư số 02/2022/TTBLĐTBXH; - Thông tư số 07/2021/TTBLĐTBXH.	x	DVC TT một phần	x